TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **250** /2026/QĐST-HNGĐ	*An Hải, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Phạm Đình Trương Dương Q**, sinh năm:1995; CCCD: 048095008761; Địa chỉ: K L, phường S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị Mỹ N,** sinh năm: 1995; CCCD: 048195006827; Địa chỉ: K P, phường S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ), hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59 , ngày 05 tháng 4 năm 2017. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại K L, phường S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp và đã sống ly thân. Nay

ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày: 13/11/2014 và Phạm Nguyễn Anh Q1, sinh ngày: 11/5/2020. Sau khi ly hôn, ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N thống nhất thỏa thuận:

Ông Phạm Đình Trương Dương Q nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con Phạm Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày: 13/11/2014 và Phạm Nguyễn Anh Q1, sinh ngày: 11/5/2020 cho đến khi 02 con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Mỹ N không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N cùng xác nhận không có

[4] *Về nợ chung:* Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N cùng xác nhận không có

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0003667 ngày 13 tháng 4 năm 2026. Như vậy, ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N. (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59, ngày*

05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ) không còn giá trị pháp lý).

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N như sau:

Ông Phạm Đình Trương Dương Q nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con Phạm Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày: 13/11/2014 và Phạm Nguyễn Anh Q1, sinh ngày: 11/5/2020 cho đến khi 02 con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Mỹ N không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N cùng xác nhận không có

- Về nợ chung Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N cùng xác nhận không có

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0003667 ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Phạm Đình Trương Dương Q và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai